TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ P** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 35/2024/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 28 tháng 02 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ P, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 06/2024/TLST-HNGĐ ngày 03-01-2024 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Bùi Thị T, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ M, ấp S, xã H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ông Võ Xuân H, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ M, ấp S, xã H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người yêu cầu bà Bùi Thị T và ông Võ Xuân H yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định tại khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị T và ông Võ Xuân H tự nguyện đăng ký kết hôn và đã được xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 20-11-2001 nên hôn nhân giữa bà Bùi Thị T và ông Võ Xuân H là hợp pháp.

Xét thấy, các bên đương sự đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đến nay đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, ông bà đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, bà Bùi Thị T và ông Võ Xuân H yêu cầu ly hôn. Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án công nhận cho bà Bùi Thị T và ông Võ Xuân H thuận tình ly hôn.

[3] Về con chung: Bà Bùi Thị T và ông Võ Xuân H có 02 con chung là Võ Sông G, sinh ngày 18-9-2002 và Võ Trung N, sinh ngày 11-12-2007. Sau khi ly hôn, bà T và ông H thoả thuận bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu N và ông H cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ/tháng cho đến khi cháu N trưởng thành

và có khả năng lao động. Riêng cháu G đã trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà Bùi Thị T và ông Võ Xuân H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Bùi Thị T và ông Võ Xuân H, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[6] Về lệ phí: Bà Bùi Thị T và ông Võ Xuân H mỗi người phải nộp 150.000 đồng lệ phí việc hôn nhân gia đình.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị T và ông Võ Xuân H thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Giao con chung là cháu Võ Trung N, sinh ngày 11-12-2007 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ/tháng cho đến khi cháu N trưởng thành và có khả năng lao động. Riêng cháu Võ Sông G, sinh ngày 18-9-2002 đã trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Toà án không xem xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, cha mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Bùi Thị T và ông Võ Xuân H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông Võ Xuân H và bà Bùi Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 0002929 ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P. Ông Võ Xuân H và bà Bùi Thị T đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hàn h án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TX.P, tỉnh BR-VT;
- UBND xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: hồ sơ vụ án, KT, VP.

THẨM PHÁN

Nông Thị Tình